



Phạm Hữu Bình

Washington, DC, một ngày Chủ Nhật đẹp trời giữa tháng 9 năm 1977. Du khách lũ lượt đi chơi trong công viên The Mall, nơi có những viện bảo tàng nổi tiếng như Bảo Tàng Viện Không Gian và Phi Hành, Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thiên Nhiên, v.v...

Chi đưa chiếc máy ảnh lên nhắm vào người chồng đang bồng đứa con trai đứng gần một pho tượng lớn và bấm lia lịa. Những tia sáng lóe ra từ flash của máy ảnh làm đứa nhỏ khoái trí cười lên khanh khách. Người chồng cũng cười theo. Một lúc sau, người chồng đưa đứa nhỏ cho Chi và nói: “Em bế con đứng vào chỗ bụi hoa kia để anh chụp cho.”

Bỗng có tiếng gọi: “Chị Chi! Chị Chi!” Chi quay lại và thấy một người đàn bà từ trên lề đường chạy lại, hớn hờ nói: “Chị có nhận ra em không? Em là Hường, em chị Quyên, bạn thân của chị đó.”

Chi vui cười đáp: “Trời ơi! Em lớn lên nhiều làm sao chị nhận ra ngay được. Bây giờ em nói thì chị nhận ra rồi. Thế chị Quyên thì sao? Có đi được không?”

“Dạ, chị em eó cũng đi được, nhưng theo gia đình chồng sang Pháp. Để rồi em sẽ

cho chị điện thoại và địa chỉ của chị Quyên để chị liên lạc.” Hường vừa trả lời vừa đưa mắt nhìn về hướng đứa nhỏ. Chi chìa tay về phía chồng và con, giới thiệu: “Đây là anh Khoa, chồng chị và cháu Văn, con trai đầu lòng của anh chị đây.”

Hường cúi đầu chào Khoa và mỉm cười nhìn đứa nhỏ: “Cháu kháu khỉnh quá. Cháu được mấy tuổi rồi chị? Mà bây giờ chị làm gì?”

“Cháu được 18 tháng, mới biết đi và đang tập nói. Sang đây chị mới sinh cháu. Bây giờ còn phải gửi cháu nhờ bà nội trông. Anh Khoa kiêm được việc ở bưu điện; còn chị làm thuê ngân cho một siêu thị. Chị muốn tìm việc khác mà chưa tìm được.”

“Vậy hả chị? Chị tốt nghiệp Su-Phạm thực hành và đã học ở Hội Việt Mỹ, thông thạo tiếng Anh, chị có muốn trở lại nghề dạy học không?”

“Chị muốn lắm chứ. Nhưng chị nghe nói muốn làm giáo viên ở đây phải có chứng chỉ hành nghề dạy học mà chị không có thì làm sao? Tiền đâu mà đi học lại để lấy chứng chỉ?”

“Chị ơi, bây giờ các trường học cần nhiều giáo viên lắm, nhất là giáo viên nói thạo tiếng Việt, vì có nhiều học sinh Việt Nam mới tới. Em làm thư ký cho một trường tiểu học trong khu em ở. Ông Hiệu-Trưởng ngày nào cũng nhắc em tìm giáo viên người Việt cho ông ấy. Ông ấy nói có nhiều cách để giúp giáo viên lấy chứng chỉ hành nghề. Nếu chị muốn em có thể giới thiệu chị với ông Hiệu Trưởng và nói rõ chị đã dạy học nhiều năm ở Việt Nam. Chắc là ông ấy sẽ mừng lắm.”

Nghe thế, Chi mừng ra mặt: “Nếu vậy thì chị cảm ơn em lắm, cho chị địa chỉ và điện thoại của em đi.”

Hường lấy giấy ghi tên, địa chỉ, điện thoại đưa cho Chi và ân cần nói: “Nếu tiện thì ngày mai chị đến nhà em sớm và em sẽ đưa chị đến trường giới thiệu với ông Hiệu Trưởng.”

Ngày hôm sau, Chi hỏi hộp bước vào văn phòng ông Hiệu Trưởng; nhưng chỉ trong chốc lát, nét mặt nhã nhặn, giọng nói ân cần của ông Hiệu Trưởng đã làm tan biến những lo âu lúc ban đầu. Ông Hiệu Trưởng cho Chi biết ông ấy sẽ yêu cầu phòng nhân viên làm thủ tục bổ dụng Chi làm giáo viên tạm thời, đầy đủ

lượng bổng và quyền lợi với điều kiện là trong vòng hai năm Chi sẽ phải hoàn tất 6 tín chỉ về phương pháp giáo dục các trẻ nhi đồng và về tâm lý trẻ em. Những tín chỉ này Chi có thể học trong kỳ nghỉ hè hay vào buổi tối ở các đại học gần đây. Ngoài ra ông Hiệu Trưởng cũng nói trong vài tháng đầu ông ấy muốn Chi dạy chung một lớp mẫu giáo với một giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm tên là Jennifer Petersen để Chi có dịp làm quen với lớp học và cách dạy học ở Hoa Kỳ.

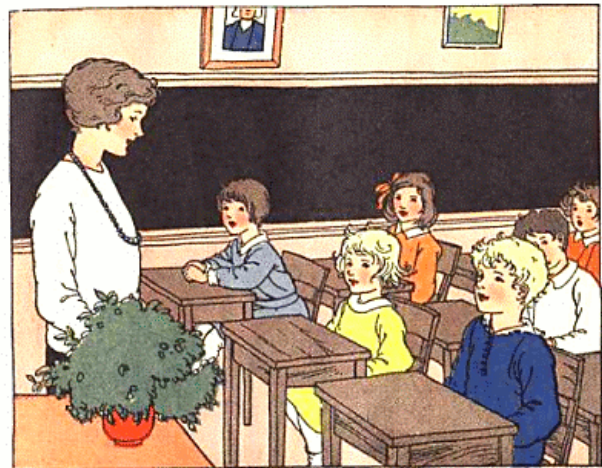
Mọi việc trôi chảy ngoài sức tưởng tượng của Chi. Ông Hiệu Trưởng cũng bảo Hường đưa Chi đi giới thiệu với các nhân viên nhà trường và đến gặp cô giáo Jennifer để hai người bàn luận về lớp học.

Việc đầu tiên của Chi khi đến nhận việc là làm quen với các em ở trong lớp mẫu giáo này. Các em thuộc nhiều chủng tộc: có trẻ em Nam Mỹ, trẻ em da đen, da trắng và trẻ em Á Đông trong đó có 4 em người Việt. Các trẻ em trong lớp đều tò mò về cô giáo mới và tìm mọi cơ hội để lại nói chuyện với Chi: “Cô Chi làm ơn buộc lại dây giày cho em.”, “Cô Chi cài hộ em nút áo.” Chi sung sướng chiều lòng các em và lợi dụng những lúc gần gũi này để chuyện trò, tìm hiểu từng em.

Chi nhận thấy rõ là các trẻ em ở đây mạnh dạn và thân mật với các cô giáo. Các em nói năng tự nhiên và tự lập trong cách suy nghĩ. Trong giờ tập làm toán, một hôm cô Jennifer hỏi các em: “Nếu cô cho em hai con thỏ; rồi cô Chi lại cho em hai con thỏ nữa thì em có tất cả mấy con thỏ?” Các em xòe bàn tay ra đếm trên mấy ngón tay rồi dơ 4 ngón tay lên để trả lời. Riêng có em Clara xòe cả bàn tay 5 ngón lên trả lời. Cô Jennifer hỏi Clara: “Em có thể cho cô biết làm sao em có được 5 con thỏ không?” Clara nói: “Cô nói cô cho em 2 con thỏ; rồi cô Chi lại cho em 2 con thỏ nữa, thế là 4 con; với lại ở nhà em có một con rồi, thế là em có tất cả 5 con thỏ.” Cô Jennifer đành chịu thua, cười và ôn tồn nói: “Em nói như thế là đúng.”

Chi cũng nhận ra ngay là hai em người Á Đông tên Kimberly và Katy cùng một em da đen tên Alisha đều là con nuôi vì ngày nào cũng có phụ huynh người da trắng đến đón. Các em rõ ràng là được bố mẹ nuôi cung

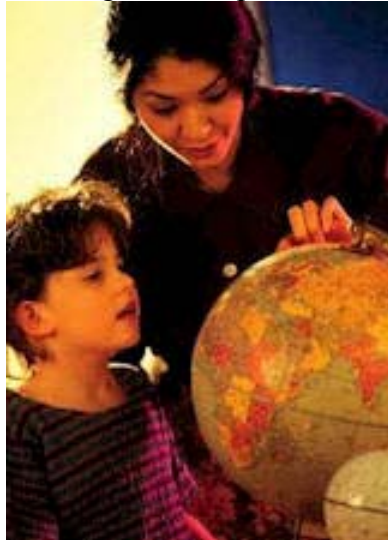
chiều. Quần áo ngày nào cũng thay đổi, hợp thời trang và sạch sẽ, thơm mát, diêm dúa. Hai em Kimberly và Katy cũng được bố mẹ đón sớm hơn để còn kịp đi học piano ngày Thứ Hai, học vũ ballet Thứ Ba, học trượt tuyết Thứ Năm. Chi thầm nghĩ những đứa trẻ này thật là may mắn. Nếu như các em này còn sống với cha mẹ ruột nơi quê hương bản xứ thì chắc chắn còn sống trong cảnh nghèo nàn, đói rách, bệnh tật và thất học. Những cha mẹ nào đã phải cho con đi chắc cũng đau lòng, xót ruột khi phải chia ly với con; nhưng nếu họ biết giờ này con họ đang sống sung sướng với cha mẹ nuôi thì chắc họ cũng được an ủi đôi phần. Họ sẽ biết rằng việc họ quyết định cho đứa con đi khi họ không thể nuôi nó là một quyết định khôn ngoan và đầy tình thương.



Một hôm, Chi thấy một em trai ngồi thừ mặt ra, không chuyện trò với ai. Chi tiến lại, định hỏi xem em có cần Chi giúp gì không; nhưng em đó xua tay nói: “Đừng lại gần em! Đừng lại gần em!” Chi không biết làm sao, cô giáo Jennifer bước lại gần Chi và ghé tai nói thầm: “Chắc là em đó ỉa đùn hay đá dằm và không muốn ai biết đấy!” Chi thông thả đến gần em đó và dịu dàng nói: “Em lỡ làm ướt quần phải không? Không sao đâu. Để cô giúp em thay quần áo khác.” Lúc bấy giờ em đó mới chịu đi theo Chi ra phòng tắm. Khi thay quần cho em, Chi hỏi chuyện và biết em tên là John Kriege. Chi nhận thấy một vết đỏ thẫm bằng đầu ngón tay cái ở trên mông phải John. Chi chăm chú nhìn kỹ. Vết đỏ như đã ăn sâu vào da John. Chi băn khoăn, nghĩ ngợi. Chi lấy ngón tay ấn nhẹ vào vết đỏ, nhưng John không tỏ ra

đau đớn gì. Chi đưa John trở lại lớp rồi gọi điện thoại cho bà mẹ của John nói rõ về vết đỏ. Bà Kriege cười và nói: “Cháu đã có vết đỏ đó từ ngày cháu ra đời.” Từ hôm đó trở đi, Chi để ý đặc biệt đến John.

Bố John, ông Gary Kriege, người da trắng, cao lớn, vạm vỡ, cũng tóc vàng óng ánh như John, thường tự nguyện đến trường buổi chiều ngày Thứ Năm để giúp kiểm điểm, chỉnh trang các máy vi tính. Mẹ em cũng là người da trắng, mảnh khảnh, thon thả. Cả hai người rất dịu dàng, lịch thiệp.



Là phụ giáo, Chi có nhiệm vụ giúp riêng từng em khi cần. Nhưng lần nào đến chỗ John, Chi cũng đứng lại lâu hơn. Chi cũng ước ao làm sao Chi có thể ôm John vào lòng âu yếm để chuyện hơi nóng của mình

cho John và được cảm thấy hơi nóng từ thân thể John thấm vào cơ thể của mình. John hình như cũng cảm thấy sự âu yếm của cô giáo và tỏ ra ân cần, gần gũi với Chi hơn bất cứ học sinh nào khác. Sáng đến là John chạy lại ôm chầm lấy Chi, cười khanh khách. Khi ra về John cũng hai ba lần tạm biệt Chi rồi mới bước ra khỏi lớp.

Một buổi sáng John đem đến đưa cho Chi một cái kẹo sô-cô-la, rồi mỉm cười nói: “Mẹ em cho em kẹo này để ăn sau bữa trưa; nhưng em muốn cho cô.” Chi lắc đầu: “Kẹo này mẹ em cho em để ăn trưa. Em phải giữ để ăn sau bữa trưa. Em không được cho đi. Cám ơn em, nhưng cô không ăn kẹo được vì sợ mập.” John tỏ ra hơi buồn. Một hôm khác được mẹ đưa đến lớp học, John mang theo một con gấu nhồi bông đến cho Chi và nói: “Đây là con gấu mà em thích nhất; nhưng em muốn cho cô. Em đã hỏi mẹ em và mẹ em bảo được.” Bà mẹ John mỉm cười ghé tai Chi nói nhỏ: “Cô cứ

nhận cho cháu vui lòng. Nó mền cô lắm, cứ luôn miệng nhắc đến cô Chi” Chi cũng ghé tai bà mẹ nói nhỏ: “Tôi cứ giữ con gấu ở đây và sẽ bỏ vào một túi nhựa mỏng. Chiều nay bà lại đón cháu, nhớ mang về cho cháu.”

Những ngày đi dạy mẫu giáo bây giờ là những ngày thần tiên đối với Chi. Khoa cũng thấy rõ vẻ sung sướng, yêu đời của vợ. Một buổi sáng trước khi đi làm, Khoa nói với Chi: “Anh thấy rõ là em yêu nghề dạy học hơn bất cứ việc gì khác.” Chi đồng ý ngay: “Anh nói đúng. Em được trở lại với nghề cũ thế này là may mắn lắm. Ở trường ai cũng quý mến em. Mình thật là có phúc lắm anh ơi!”

Một buổi sáng Thứ Sáu cách đó ít lâu sau, cả bố mẹ John cùng đưa con đến lớp. Bà mẹ nói với cô Jennifer và Chi: “Cuối tuần này chúng tôi sẽ dọn đến căn nhà mới xây xong cách đây 20 miles. Chúng tôi sẽ phải cho cháu John chuyển đến một lớp mẫu giáo gần nhà mới. Hôm nay là buổi học cuối cùng của cháu ở đây. Chúng tôi đến từ biệt hai cô và cám ơn hai cô rất nhiều về tất cả những điều tốt đẹp hai cô đã làm cho cháu.”

Chi cảm thấy như có tiếng sét đánh ngang tai, đứng lặng người đi, không nói năng được một câu. Cả bầu trời như tối rầm rẫn lại. Có đến năm bảy phút sau Chi mới lấy lại được bình tĩnh và vợ nói: “Tôi mến em John lắm. Em thật dễ thương. Nếu ông bà cho phép thì thỉnh thoảng tôi sẽ ghé qua thăm em.” Ông Kriege cười vui vẻ: “Nếu thế thì quý lắm. Xin cô cứ tự nhiên.”

Khi John vẫy tay chào Chi để ra về ngày hôm đó, nó vẫn vui tươi như không có gì khác lạ hơn mọi khi. Chi cố mỉm cười nhìn theo nó.

Chi đến trường tuần sau, uể oải, mệt nhọc như người thiếu ngủ. Giờ khắc trôi qua nặng nề. Chi vẫn đi quanh lớp đến từng em để quan sát, chuyện trò, chỉ bảo, giúp đỡ; nhưng mỗi lần đến chỗ ngồi cũ của John là Chi bước vội đi. Ngày hôm sau cũng trôi qua nặng nề, chậm chạp. Chi không ngờ Chi lại nhớ John đến thế. Hay là chiều nay về Chi sẽ gọi điện thoại thăm hỏi nó. Ồ, không được; như vậy có vẻ vội vã quá. Có lẽ phải đợi đến cuối tuần thì hợp lý hơn. Ngày Thứ Tư cô Jennifer vắng mặt,

Chi phải đảm nhiệm tất cả mọi việc trong lớp, đọc truyện cho từng nhóm, săn sóc, giảng giải cho từng em. Em này ho và nóng đầu phải gọi điện thoại cho phụ huynh đến đón về sớm; em kia ỉa đùn phải thay quần áo cho em. Chi bận túi bụi và quên đi sự vắng mặt của John cho đến giờ tan học. Không còn tiếng chào từ biệt “bye bye Cô Chi”, không còn cái vẫy tay mềm mại duyên tiếu của John. Thế là những ngày thần tiên đã tàn tạ.

Ngày Thứ Năm Chi mệt mỏi đến trường. Vừa bước vào hành lang đi ngang qua văn phòng chính, Chi nghe rõ ràng có tiếng gọi của John: “Cô Chi! Cô Chi!”. Quay đầu lại, Chi thấy bố mẹ John đang dắt tay John đi vào văn phòng. Chi mừng quýnh, chưa kịp hỏi lý do, thì bà mẹ đã nhanh nhẹn giải thích: “Cháu sang trường mới, lạ thầy, lạ bạn, cháu chẳng chịu học hành gì; cả ngày chỉ ngồi một mình buồn thiu. Chúng tôi tưởng một hai hôm rồi cháu sẽ quen đi. Nhưng đến hôm qua thì cháu lại càng buồn hơn, bỏ cả ăn, nằm ngủ li bì. Cho nên chúng tôi xin cho cháu trở lại học ở đây với cô Jennifer và cô . Chúng tôi sẽ phải lái xe đưa cháu đi học xa hơn một chút thôi.”

Bao nhiêu buồn phiền bỗng tan biến hết, Chi lại thấy khung cảnh trường rạng rỡ, tươi vui, lớp học đầy hứng thú.

Ông hiệu trưởng nghe tin một học sinh gia đình đã dọn nhà đi xa mà còn xin trở lại học thì mừng lắm. Đối với ông đây là bằng chứng hiển nhiên rằng những giáo viên trong trường này đã tận tâm và khéo léo trong việc giáo dục trẻ em. Ông loan tin đó cho tờ báo *Gazette* ở địa phương. Một tuần sau, hình hai cô giáo Jennifer và Chi tươi cười đứng chung với gia đình John đã được in trên trang nhất tờ *Gazette* dưới tiêu đề “Những Điểm Sơn Tại Địa Phương.” Bài báo kể lại chuyện John nhớ trường và nhớ cô giáo ra sao với kết luận là trường tiểu học Eastern Elementary, dưới sự điều khiển của ông hiệu trưởng Michael Dix, đã rất thành công trong việc giáo dục trẻ em. Bài báo cũng nhấn mạnh đến kinh nghiệm dạy học và sự tận tâm của hai cô giáo, nhất là Chi., một giáo viên từ Việt Nam mới tới đây. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, số đơn xin nhập học vào lớp mẫu giáo ở trường Eastern Elementary

đã tăng lên bội phần. Ông hiệu trưởng phải dự trù mở thêm hai lớp nữa.



Chi lại đi dạy học với một niềm hân hoan, hãnh diện. Chi vẫn săn sóc từng em học sinh trong lớp và vẫn gần gũi với John hơn bất cứ học sinh nào khác.. Nhưng Chi nhận thấy rõ ràng là John không nhanh nhẹn, hăng hái như lúc trước. John có vẻ mệt mỏi, đờ đẫn. Một hôm cầm tay John, Chi thấy đầm những mồ hôi. Trán John hâm hẩm nóng. Chi bàn với cô giáo Jennifer rồi gọi điện thoại cho mẹ John. Nửa giờ sau bà mẹ John đến đón con về đưa đi bác sĩ.

Ngày hôm sau, John không đến học. Chi đoán John bị cảm, cần nghỉ ở nhà và không băn khoăn gì. Ngày hôm sau nữa, John vẫn vắng mặt, Chi cũng không thắc mắc gì. Nhưng khi John vắng mặt liền ba hôm nữa, thì Chi lo âu ra mặt. Cuối tuần đó Chi gọi điện thoại lại nhà John để hỏi thăm. Bà mẹ John trả lời điện thoại và cho Chi biết John vẫn còn sốt; nhưng bác sĩ chưa biết rõ bệnh gì. Bác sĩ đã lấy máu để thử nghiệm và hai ngày nữa mới có kết quả.” Chi ngỏ lời muốn đến thăm John và bà mẹ John ân cần mời Chi đến ngay hôm đó.

Nhà của ông bà ở trong một khu biệt thự mới xây, mỗi nhà một kiểu riêng biệt. Nhà nào cũng lớn với vườn tược rộng rãi có trồng cây cảnh và sân cỏ xanh tươi bao quanh. Bà đã đứng sẵn ở cửa để đón Chi. Bà đã không cho John ra cửa đón cô giáo vì sợ gió lạnh; nhưng John đã ra đứng sẵn ở đầu cầu thang. Khi thấy cô giáo lên đến nơi là nó ôm chầm lấy. Chi cúi xuống ôm lấy John và bỗng nó lên rồi đi theo bà mẹ vào phòng ngủ của John. Chi thấy rõ

ràng John gầy và xanh hắt đi, hơi thở nóng hổi, vẻ mệt mỏi hiện ngay trên nét mặt. John nằm ngay xuống giường, đưa mắt nhìn mẹ và cô giáo. Chi lấy ra một con gấu nhồi bông, cúi xuống đưa cho John, rồi mỉm cười nói: “Cô biết em thích gấu nhồi bông. Cô có cái này làm quà cho em đây.” John đỡ lấy con gấu ôm vào lòng và nói khe khẽ: “Cám ơn cô.” rồi mệt mỏi nhắm mắt lại ngủ. Chi đứng nhìn John vài phút rồi từ biệt bà mẹ ra về. Ra đến cửa bà nói khe khẽ: “Cám ơn cô nhiều lắm. Nhưng nếu lần sau cô có đến thăm cháu, xin cô đừng mua quà cho cháu. Cháu có nhiều đồ chơi lắm rồi.”



Ngày Thứ Hai, John vẫn vắng mặt. Chi nóng lòng, gọi điện thoại lại nhà John; nhưng không có ai trả lời. Chi đoán ông bà đã đưa con đi bác sĩ. Buổi chiều, vừa về tới nhà là Chi lại gọi điện thoại đến nhà John; nhưng vẫn không có ai trả lời.

Sau khi ăn cơm tối xong, Chi lại gọi điện thoại nữa thì có tiếng ông bố John trả lời. Ông cho Chi biết bác sĩ nói là John bị ung thư máu và phải ở trong bệnh viện để bác sĩ thử nghiệm thêm và chữa trị. Chi hốt hải muốn vào thăm John ngay; nhưng ông nói giờ thăm bệnh nhân đã chấm dứt. Chi đành hỏi số điện thoại ở nhà thương và số phòng của John để đi thăm ngày hôm sau. Chi quay qua nói với Khoa: “Ngày mai em sẽ đón bé Văn và cho nó ăn uống rồi anh chịu khó ở nhà trông con để em vào nhà thương thăm một học sinh đang đau nặng.”

Khi đến nhà thương ngày hôm sau, Chi thấy John đang ngủ li bì và bà mẹ đang ngồi bên giường cầm tay con. Bà ra hiệu cho Chi giữ yên lặng rồi thông thả đứng lên đưa Chi ra bên ngoài cửa phòng và ghé tai Chi nói nhỏ: “Bác sĩ nói cháu bị ung thư máu thuộc loại rất nguy hiểm. Cháu sẽ phải làm hoá trị (chemotherapy)

ngay ngày mai. Bác sĩ còn phải chờ kết quả cách chữa bằng hoá trị rồi mới theo đó mà quyết định những phương pháp trị liệu kế tiếp.”

Chi lặng người đi, không nói được một lời, chỉ biết nắm chặt lấy tay bà mẹ John. Sau một hồi, Chi cố lấy lại bình tĩnh, nói nhỏ với bà: “Chắc bà cũng mệt lắm. Bà để tôi ở đây với cháu. Bà nên đi ăn uống và nghỉ ngơi một chút. Tôi có thể ở đây với cháu đến 9 giờ.” Bà cúi đầu nói: “Nếu vậy thì cám ơn cô lắm. Tôi chạy đi một lúc rồi sẽ trở lại ngay. Nhà tôi sẽ đến thay thế cho tôi lúc 10 giờ. Nhà thương chỉ cho một người ở trong phòng để trông bệnh nhân thôi.”

Sau khi bà mẹ đi rồi, Chi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ bên giường, đưa tay nhẹ nhẹ cầm lấy tay John, nước mắt ứa ra chảy cả xuống má. Một lúc sau John chợt quậy rồi mở mắt ra. Thấy Chi, nó nở một nụ cười thật tươi. Chi sung sướng cúi xuống hôn lên má nó, hỏi khe khẽ: “Em mệt không?” John nói nhỏ: “Em mệt một chút thôi.” Chi cầm lấy một quyển truyện để ở cuối giường và hỏi John: “Em có muốn cô đọc cho em nghe một truyện không?” John đồng ý ngay: “Vâng, cô đọc cho em nghe một truyện.” Chi vừa đọc truyện vừa đưa mắt nhìn John. Chi mới đọc được hai trang thì John lim dim mắt lại và ngủ thiếp đi.

Những ngày kế tiếp Chi đều đặn vào nhà thương tiếp tay bà mẹ trông nom John từ 7 giờ rưỡi đến 9 giờ tối mới về. Ông Hiệu Trưởng nghe tin một học sinh đau nặng và cô giáo Chi đã đến thăm em này hàng ngày thì cảm động lắm. Ông lại báo tin cho tờ báo *Gazette*. Một phóng viên đã tìm đến nhà thương để chụp hình John và cô giáo Chi. Một tuần sau trên trang nhất tờ *Gazette* có in một phóng sự dài dưới tiêu đề “MỘT CÔ GIÁO TẬN TÂM” với hình màu cô giáo Chi đang ngồi bên giường bệnh cầm tay John.

Bệnh tình của John càng ngày càng nguy kịch hơn. Sau ba lần làm hoá trị tóc John đã rụng hết. John hay nôn ọe, ăn rất ít và gầy hắt đi. Bác sĩ nói cho ông bà Kriege biết là ít có hy vọng gì John có thể qua khỏi được. Ông bà Kriege đã báo tin buồn này cho Chi. Cả ba người cùng đồng ý rằng số phận John đã như vậy thì buồn phiền, khóc than cũng chẳng

ích gì. Cách tốt nhất là trong những ngày John còn ở đây, tất cả đều cố gắng đem lại cho John những phút thoải mái, sung sướng. Bà Kriege đã mua sẵn một bịch lớn những đồ chơi đưa cho Chi để Chi mỗi ngày mang lại cho John một món. John hình như đã quen với giờ giấc có cô giáo Chi đến thăm và thường cố thức để chờ Chi. Nó cười và đưa tay đỡ lấy món đồ chơi Chi mang đến và ôm chặt vào lòng. Chi cúi xuống ôm lấy nó và hôn lên má lên môi nó. John đưa tay ra cầm lấy tay Chi và nũng nịu: “Cô đọc một truyện cho em.” Rồi chỉ mấy phút sau là nó ngủ thiếp đi.

John kêu đau đớn khắp người. Bác sĩ phải cho tiêm thuốc giảm đau để John khỏi cảm thấy đau; nhưng thuốc làm John ngủ li bì.

Chi đoán chừng những ngày cuối cùng của John đã tới và xin phép nghỉ luôn ba ngày để ở trong nhà thương với John. Ông bà Kriege cũng được nhà thương thông cảm cho ở luôn bên giường với con. Một buổi sáng, bà Kriege đang bế John trong lòng thì thấy John mở mắt nhìn vòng chung quanh như thể để ghi nhận mọi người thân một lần cuối rồi thân thể John mềm rũ, hai mắt đờ ra và nhắm lại. Bà Kriege kêu lớn tiếng lên: “Con tôi! Con tôi đi rồi!” Bà òa lên khóc. Chi cũng òa lên khóc theo.. Ông Kriege đưa tay lên chùi vội nước mắt đang dàn dụa chảy xuống má. Bác sĩ và y tá thường trực đến ngay và sau khi khám nghiệm đã xác nhận là John vừa qua đời.

Lễ cầu nguyện và thăm viếng được tổ chức vào 5 giờ chiều ngày Thứ Sáu. Số người đến tham dự rất đông đảo. Người ta đến để chia buồn với gia đình Kriege, và cũng tò mò muốn biết mặt cô giáo Chi mà tờ báo *Gazette* đã có nhiều bài ca tụng. Chi ngồi khiêm nhường ở hàng ghế gần cuối phòng. Khi mọi người sắp hàng để lên viếng quan tài, Chi cũng thông thả đi lên. Nhưng khi đến bên quan tài thì Chi không ngăn được nổi xúc động nữa. Chi cúi xuống ôm lấy quan tài và òa lên khóc làm cho ai nấy đều mũi lòng.

Lễ cầu nguyện chấm dứt. Mục sư đọc lời cầu nguyện cuối cùng. Ông Kriege đứng lên nói vài lời cảm ơn. Mọi người yên lặng ra về. Ông bà Kriege lùi lại sau chờ Chi để cùng đi ra. Khi đã ra ngoài, ông Kriege ân cần cảm ơn Chi

một lần nữa trước khi từ biệt. Bà Kriege đứng lại nhìn theo Chi rồi quay sang nói nhỏ với chồng: “Anh ra xe trước ngồi chờ em. Em muốn nói chuyện với cô Chi một chút.”



Ông Kriege bước ra xe. Bà Kriege gọi với theo Chi: “Cô Chi, cô Chi.” Nghe tiếng bà Kriege, Chi đứng lại, chờ đợi. Bà Kriege đến bên Chi, đưa hai tay nắm lấy tay Chi, rồi nhìn thẳng vào mắt Chi khe khẽ hỏi: “Cô là mẹ ruột John, phải không?” Chi biến sắc mặt, mở rộng mắt nhìn bà Kriege một hồi rồi gật đầu nói: “Vâng. Tôi cũng đoán chừng rồi bà sẽ nhận ra. Bây giờ bà đã biết rồi thì tôi cũng nói cả mọi chuyện để bà biết.”

“ Vào năm 1971, tôi đang là giáo viên thì nghe tin chính phủ có chương trình tuyển chọn một số giáo viên ưu tú và giỏi Anh Ngữ và gửi sang Hoa Kỳ tu nghiệp để về dạy ở trường Sư Phạm. Tôi muốn tìm đường tiến thân nên sau giờ dạy học, tôi đi học thêm Anh Ngữ ở Hội Việt Mỹ.

Tôi thường đến lớp Anh Ngữ sớm và cùng một vài người bạn ngồi uống nước ở trong snack bar. Một hôm người bồi bàn bung nước ra đã vấp vào chân ghế làm đổ cả mấy ly nước vào người tôi. Tôi còn đang lỉnh quính chưa biết làm sao thì một sĩ quan Hoa Kỳ ngồi bàn gần đó đã nhanh nhẹn đem đến cho tôi một nắm khăn giấy để tôi lau người và quần áo. Ông ta nhìn tôi, thương hại và nói: ‘Tôi có xe Jeep. Nếu cô muốn thì tôi có thể đưa cô về nhà thay quần áo rồi lại đưa cô về lại đây cho kịp lớp học’. Không còn cách nào hơn, tôi bằng lòng làm theo lời ông ấy. Mấy ngày sau ông ấy lại vào snack bar khi chúng tôi đang ngồi uống nước ở đó. Ông ấy ngồi vào bàn nói chuyện với chúng tôi. Ông ấy tự giới thiệu là đại úy thủy

quân lực chiến, tên là John Britta, có nhiệm vụ giữ an ninh cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Chúng tôi vui mừng có dịp thực tập tiếng Anh và nhất là thấy ông ấy rất lịch sự.



Cuối tuần sau đó John mời tôi đi ăn và đi khiêu vũ. Rồi chúng tôi yêu nhau tha thiết. John hứa sẽ đưa tôi về Hoa Kỳ vào kỳ nghỉ phép tới để giới thiệu tôi với cha mẹ John và rồi chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn.

Một hôm tôi đang dạy học thì nghe một tiếng nổ rất lớn làm rung chuyển cả cửa kính. Sau đó radio loan tin một chiếc xe vận tải đã ngừng lại trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ; người tài xế bỏ xe chạy và mấy phút sau thì bom trên xe đã nổ. Bom đã nổ mạnh đến nỗi làm sụp hẳn phía trước Tòa Đại Sứ. Tôi sợ hãi, gọi điện thoại cho John; nhưng lúc đó, mọi liên lạc truyền thông với Tòa Đại Sứ đã hoàn toàn ngưng đọng. Tôi nóng lòng chờ tin John; nhưng không thấy John gọi điện thoại cho tôi. Biết có chuyện chẳng lành, tôi tìm đến chỗ ở của John và một người lính canh cho tôi biết John đã tử nạn, xác đã được đưa ngay về Hoa Kỳ.

Tôi khóc thương John biết là bao. Một tuần lễ sau thì tôi biết tôi đã có bầu. Tôi lo lắng cho đời tôi và nhất là cho đứa con đang còn nằm trong bụng tôi. Trong xã hội Việt Nam, một người đàn bà có con lai sẽ bị coi là thứ đàn bà hư hỏng. Tôi sẽ phải bỏ việc dạy học và tôi có biết làm gì khác để sinh sống đâu. Đứa con lai của tôi sẽ bị dè bieu, chế diễu, sẽ chẳng dám đến trường học. Rồi nó sẽ thành một đứa trẻ bụi đời, lang thang đầu đường xó chợ. Càng nghĩ tôi càng thấy xót xa, đau đớn. Có lúc tôi đã nghĩ đến chuyện phá thai.

Nhưng mẹ tôi đã khuyên bảo tôi phải tìm giải pháp khác. Mẹ tôi khuyên tôi xin nghỉ việc tạm một thời gian, lên ở với cô tôi ở Đà Lạt cho đến ngày sinh rồi nhờ các bà sơ tìm cha

mẹ nuôi người da trắng cho con tôi. Tôi nghe lời mẹ tôi. Tôi đứt lòng đứt ruột khi phải cho nó đi. Nhưng nghĩ đến tương lai của nó, tôi đành chịu đau khổ một mình. Tôi chỉ xin các bà sơ đặt tên nó là John. Tôi nhìn kỹ mặt mũi và thân thể con tôi một lần cuối Tôi thấy một vết đỏ thẫm to gần bằng đầu ngón tay cái trên mông phải nó.

Năm 1975, tôi theo gia đình di cư sang Hoa Kỳ. Tôi gặp chồng tôi bây giờ ở trong trại tị nạn Fort Chaffee và chúng tôi đã làm lễ cưới ngay trong trại. Chúng tôi được một con trai một tuổi rưỡi. Tôi vẫn nghĩ đến đứa con mà tôi đã phải cho đi, bản khoán không biết nó đã trôi dạt về đâu. Không ngờ trời run rủi, tôi được gặp lại nó. Tôi đã nhận ra những nét nó giống bố nó và nhất là vết đỏ trên mông nó. Tôi sung sướng như vừa tìm thấy thiên đàng. Tôi cảm ơn ông bà đã thương yêu nó hết lòng. Thôi thì số trời cho nó được sống có bấy lâu. Nhưng nó đã mang lại bao nhiêu là tình thương cho ông bà và cho tôi. Tôi không có gì hối tiếc nữa. Cảm ơn ông bà đã cho tôi được gần gũi với nó trong gần một năm nay.”



Bà Kriege ghen ngào không nói được gì. Mãi một lúc sau, bà mới lấy lại được bình tĩnh, nắm chặt lấy tay Chi, nói: “Chúng tôi cũng cảm ơn cô rất nhiều”. Hai người đàn bà bịn rịn như không muốn rời nhau ra.

Phút từ biệt đã tới. Hai người mẹ bước đi, mỗi người một ngã. Được một quãng hai người quay đầu nhìn lại nhau một lần cuối, mỗi người mang theo một nỗi niềm riêng...

HẾT